

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ & Ý NGHĨA CỦA MÙA GIÁNG SINH



I. Nguồn gốc lịch sử và ý nghĩa của mùa Giáng Sinh

1. Mùa Giáng Sinh

a. Thời gian

Mùa Giáng Sinh bắt đầu từ Kinh Chiều I lễ Giáng Sinh đến hết lễ Hiện Linh hoặc Chúa Nhật sau ngày 06 tháng Giêng. Trong truyền thống phụng vụ của Giáo hội, sau lễ Phục Sinh, Giáo hội không cử hành màu nhiệm nào khác ngoài màu nhiệm Nhập thể và việc tỏ mình ra của Con Thiên Chúa từ Bê-lem đến sông Gio-đan. [1]

b. Ý nghĩa

Trong mùa Giáng Sinh, có hai đại lễ không thể tách rời nhau là lễ Giáng Sinh và lễ Hiện Linh. Mặc dù Giáo hội Rô-ma mừng hai lễ này trong hai ngày khác nhau: 25/12 và 06/01 hằng năm, nhưng cũng chỉ diễn tả một màu nhiệm, màu nhiệm Con Thiên Chúa Giáng Sinh làm người để tỏ cho nhân loại biết tình yêu của Thiên Chúa, và để dẫn đưa họ đến nguồn ơn cứu độ muôn đời nơi Hải Nhi Giê-su. [2]

Cũng trong mùa Giáng Sinh, chúng ta nhìn ngắm Chúa Giê-su trong máng cỏ tại Bê-lem, cũng như những ngày ẩn dật của Người tại Na-gia-rét, để học với Người nếp sống khó nghèo và ẩn dật trong Chúa.

2. Lễ Vọng Giáng Sinh

a. Nguồn gốc

Chính xác lễ Vọng Giáng Sinh xuất hiện vào năm nào hay thế kỷ nào thì ta không được biết rõ lắm (có lẽ được công bố lần đầu vào năm 354). Nhưng chắc chắn là có sau lễ Đêm Giáng Sinh, Rạng đông, và Ban ngày. Theo các nhà chuyên môn, vào thế kỷ VII, đức Grê-gô-ri-ô Cả ra chỉ thị cử hành 3 thánh lễ: lễ Đêm, lễ Rạng đông, và lễ Ban ngày

trong ngày Giáng Sinh. Về sau các tín hữu thấy giá trị của giờ canh thức trước ngày lễ trọng, nên lễ Vọng được thêm vào.

b. Ý nghĩa

Khi xưa, giữa những lâm than cơ cực, thông điệp bình an và hoan lạc được ngôn sứ Isaia loan báo cho toàn thể dân Israel, thì nay, trong đêm mừng kỷ niệm sinh nhật của Đức Giê-su Ky-tô, Vị Cứu Tinh của chúng ta, thông điệp ấy được Giáo hội công bố cho toàn thể dân Chúa: “*Hôm nay, Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho chúng ta; Người là Đức Ky-tô, là Đức Chúa.*” (Lc 2,11). Tuy nhiên, để có được niềm vui ơn cứu độ ấy cách thực sự lại còn tùy thuộc vào lối sống của chúng ta nữa. Nếu chúng ta không hoán cải đời sống mà sống công chính và đạo đức, thì niềm vui ấy chúng ta không thể nào có được.

3. Lễ Giáng Sinh

a. Nguồn gốc

Về mặt lịch sử, lịch sử lễ Giáng Sinh xuất hiện khá muộn thời so với lễ Phục Sinh. Trong ba thế kỷ đầu, lễ Giáng Sinh chưa xuất hiện trong phụng vụ của Giáo hội. Đến hậu bán thế kỷ IV, lễ Giáng Sinh mới xuất hiện.

Thực ra, ban đầu Giáo hội mừng lễ Giáng Sinh không nhằm đến việc kỷ niệm biến cố Con Thiên Chúa giáng trần cho bằng Ky-tô hóa ngày lễ ngoại giáo (lễ mừng thần mặt trời). Nói đúng hơn, khi mừng lễ Giáng Sinh, Giáo hội Rô-ma vừa tưởng niệm biến cố lịch sử của việc Ngôi Hai Thiên Chúa Giáng Sinh làm người, vừa Ky-tô hóa các lễ theo tập tục cổ thời ngoài Ky-tô giáo kính thần mặt trời lúc bấy giờ vào ngày đông chí, được cử hành tại Rô-ma ngày 25 tháng 12 và tại Ai Cập ngày 06 tháng 01. Được cử hành ở hai nơi khác nhau, với hai tên gọi khác nhau, nhưng chỉ có một lễ duy nhất cả về ý nghĩa và hình thức. Người Rô-ma gọi là lễ sinh nhật của Chúa Ky-tô, Mặt Trời Công Chính [25/12]; còn bên Đông Phương gọi là lễ Chúa tỏ mình cho muôn dân [06/01]. [3]

b. Ý nghĩa

Về ý nghĩa thần học, đối với Giáo hội Rô-ma lễ Giáng Sinh có một ý nghĩa thần học sâu xa trong bối cảnh thế kỷ IV, như khởi đầu cho Phục Sinh.

Thật vậy, năm 325, Công đồng Ni-xê-a định tín về thần tính của Đức Giê-su Ky-tô, và sau đó đã có nhiều chống đối từ các nhóm lạc thuyết (phái A-ri-ô); vì thế, Giáo hội cần làm sáng tỏ chân lý đức tin về Ngôi Hai Thiên Chúa không chỉ bằng những khẳng định về tín lý, nhưng còn bằng chính đời sống phụng vụ của Giáo hội nữa. Trong hoàn cảnh này, việc Ky-tô hóa một lễ ngoại giáo sẽ làm sáng tỏ nét tinh túy cao đẹp có sẵn trong một tập tục văn hóa cổ thời; đồng thời, cũng là dịp để chống lại các lạc thuyết của bè rối, và để giáo dục đức tin cho tín hữu.

Tất một lời, khi mừng lễ Giáng Sinh hay lễ Hiện Linh, cả bên Tây lẫn bên Đông đều nhấn mạnh đến Ngôi vị Thiên Chúa của Đức Giê-su, Đấng đã đến trần gian trong thân xác để tỏ cho nhân loại biết về Thiên Chúa, và để dẫn đưa nhân loại đến sự sống vĩnh cửu. Đó là ý nghĩa căn bản của mầu nhiệm lễ Giáng Sinh. [4]

4. Tuần Bát nhật Giáng Sinh

a. Nguồn gốc

Giống lễ Phục Sinh, lễ Giáng Sinh cũng có tuần Bát nhật nhưng không được mừng kính với cùng mức độ như tuần Bát nhật Phục Sinh, bởi vì các ngày trong tuần Bát nhật Phục Sinh được mừng như một lễ trọng [ưu tiên bậc I]; trong khi đó, các ngày trong tuần Bát nhật Giáng Sinh được cử hành không đồng đều: có ngày là lễ trọng, có ngày là lễ kính, có ngày chỉ là ngày trong tuần. [5] Theo lịch sử phụng vụ của Giáo hội, vào thế kỷ thứ VII, Phụng vụ Giáo hội mới mừng tuần Bát nhật Phục Sinh. Như vậy, tuần Bát nhật Giáng Sinh xuất hiện sau thế kỷ VII.

b. Ý nghĩa

Tuần Bát nhật Giáng Sinh được gọi như hiện nay chỉ có sau này. Tuần Bát nhật Giáng Sinh tức là tuần Bát nhật mừng đặc ân Mẹ Thiên Chúa của Đức Maria. Khi cử hành tuần Bát nhật mừng Mẹ Thiên Chúa, Giáo hội không nhấn mạnh đến đặc ân của Mẹ như là đích tới của tuần Bát nhật, cho bằng mừng kính chân lý về Chúa Giê-su trong mầu nhiệm Nhập Thể của Người. Về sau để bổ túc ý nghĩa thần học về nhân tính của Chúa Giê-su, người ta đã gán cho ngày thứ tám sau lễ Giáng Sinh là ngày Chúa chịu cắt bì.

5. Lễ Hiện Linh

a. Nguồn gốc

Thời giáo hội sơ khai, chỉ có ngày lễ Phục Sinh là được cử hành hằng năm cách đặc biệt, và mỗi ngày Chúa Nhật được xem như một ngày “tiểu Phục Sinh”. Vào thế kỷ III và IV, tại Đông phương và Tây phương, xuất hiện các ngày lễ trọng mừng Đấng Cứu Thế đến giữa loài người. Trong khi ở Tây phương, lễ Giáng Sinh được cố định vào ngày 25 tháng Chạp, nhằm tiết Đông chí, để thay thế các cuộc lễ ngoại giáo mừng sự trở lại của Mặt trời và Ánh sáng, thì lễ Thiên Chúa Nhập Thể được cử hành vào ngày 6 tháng Giêng tại Đông phương. Tại Ai Cập và Ả Rập, ngày này trùng hợp với một ngày lễ rất cổ xưa của người ngoại giáo tôn vinh thần Mặt Trời, tương tự với ngày Đông chí ở Rô-ma.

Như thế, lễ Hiện Linh có nguồn gốc là một ngày lễ cổ xưa của người Ky-tô giáo tương tự với ngày lễ Giáng Sinh, như các nghi lễ được cử hành tại Giê-ru-sa-lem vào cuối thế kỷ thứ IV và đầu thế kỷ thứ V đã chứng minh: vào buổi chiều ngày 5 tháng Giêng, vị giám

mục cùng với hàng giáo sĩ và giáo dân đến Giê-ru-sa-lem. Sau buổi cầu nguyện, người ta đi thành đoàn rước đến hang đá Giáng Sinh để công bố đoạn Tin mừng về sự hạ sinh của Đức Ky-tô. Sau đó là cuộc canh thức dài kết thúc bằng một thánh lễ vào những giờ đầu tiên trong ngày với bài đọc Tin mừng về các đạo sĩ đến thờ lạy Chúa. Rồi người ta vừa hát bài Benedictus vừa quay trở lại Giê-ru-sa-lem để cử hành một thánh lễ trọng thể nữa tại Vương Cung Thánh Đường Mộ Thánh.

Ngày lễ của ba phép lạ

Từ Đông phương, lễ Hiển Linh lan sang Châu Âu vào khoảng thế kỷ IV và được nói đến lần đầu tiên tại xứ Gaule vào năm 361; ngược lại, Đông phương cũng đã chấp nhận ngày lễ Giáng Sinh vào ngày 25 tháng Chạp. Đến cuối thế kỷ này, hầu hết các Giáo hội đều cử hành hai ngày lễ trọng bỏ tức cho nhau này.

Ý nghĩa của hai ngày lễ này đã có sự biến chuyển sau đó, cả ở Tây phương lẫn Đông phương.

– Ban đầu, ở Tây phương, người ta có thói quen cử hành chung các biến cố hạ sinh của Đức Ky-tô vào ngày Giáng Sinh, biến cố các đạo sĩ đến thờ lạy Chúa và cuộc tàn sát các thánh Anh Hải. Nhưng khi Rô-ma bắt đầu mừng lễ Hiển Linh thì hai biến cố cuối cùng này được tách rời ra khỏi ngày lễ 25 tháng Chạp để dành tôn kính các đạo sĩ là chủ đề chính cho ngày lễ trọng mới vào ngày 6 tháng Giêng. Như thế, lễ Hiển Linh trong phụng vụ Rô-ma mang thông điệp chính là sự mạc khải của Đức Ky-tô cho mọi dân tộc được biểu tượng qua các đạo sĩ.

– Còn đối với Giáo hội Đông phương, lễ Hiển Linh đã trở thành đại lễ mừng thiên tính của Đức Ky-tô; mầu nhiệm Nhập Thể và sự thờ lạy của các đạo sĩ vì thế được cử hành vào ngày lễ Giáng Sinh. Thế rồi sau đó lễ Hiển Linh ngày càng được hiểu như là lễ Đức Ky-tô Chịu phép rửa (chịu ảnh hưởng của Ai Cập vì phụng vụ này đã sáp nhập biến cố này vào lễ ngày 6 tháng Giêng để nhấn mạnh đến thiên tính thật sự của Đức Ky-tô ngay từ khi sinh ra). Do đó mà ở Đông phương có tục lệ làm phép nước rửa tội, nước giếng rửa tội, các nguồn nước, và sông suối vào dịp lễ Hiển Linh. Vào ngày này, nhiều đám đông kéo nhau đến bờ sông Gio-đan để dìm mình ba lần trong dòng sông theo như nghi thức rửa tội của Đông phương.

Phép lạ tại Cana là dấu hiệu đầu tiên chứng tỏ quyền năng Thiên Chúa của Đức Ky-tô sau mạc khải tại sông Gio-đan. Trong phụng vụ Đông phương, lễ Hiển Linh đã trở thành ngày lễ của ba phép lạ mà dấu vết vẫn còn tìm thấy được trong bài điệp ca Magnificat của giờ kinh chiều:

“Chúng con mừng kính ngày thánh này được điểm tô bằng ba phép lạ:

– hôm nay ngôi sao đã dẫn đường cho các đạo sĩ đến hang đá;

– hôm nay nước đã biến thành rượu tại tiệc cưới;

– hôm nay tại sông Gio–đan, Đức Ky–tô đã muốn chịu phép rửa bởi Gioan để cứu chuộc chúng ta”.

Thật vậy phụng vụ Rô–ma cử hành lễ Chúa Giê–su chịu phép rửa vào tuần bát nhật và phép lạ Cana vào ngày Chúa Nhật thứ hai sau đó.

b. Ý nghĩa

Lễ vật các đạo sĩ dâng cho Chúa Ky–tô đã mạc khải cách biểu trưng về ý nghĩa của ngày lễ Hiện Linh: “Được Ngôi sao đưa đường đến tận nhà Gia–cóp, đến với Đấng Emmanuel, qua lễ vật dâng tiến, họ muốn bày tỏ Đấng mà họ thờ lạy là ai:

– **với mộc được** thì đó là Đấng phải chết và chịu mai táng vì nhân loại phải chết;

– **với vàng** thì đó là Vua mà triều đại của Người không bao giờ chấm dứt;

– **với nhũ hương** thì đó là Thiên Chúa được nhìn nhận ở xứ Giu–đê đồng thời cũng là Đấng tỏ mình cho những ai không tìm thấy Người”.

Tiến dâng vàng, các đạo sĩ nhìn nhận vương quyền của Đức Ky–tô, hậu duệ cuối cùng của dòng dõi Đa–vít, như ngôn sứ Isaia đã tiên báo:

“Từ gốc tổ Gie–sê, sẽ đâm ra một nhánh nhỏ, từ cội rễ ấy, sẽ mọc lên một mầm non. Thần khí Đức Chúa sẽ ngự trên vị này: thần khí khôn ngoan và minh mẫn, thần khí mưu lược và dũng mãnh, thần khí hiểu biết và kính sợ Đức Chúa.” (Is 11,1–2).

Họ đến quỳ gối trước vị vua mà quyền năng bao trùm vạn vật; không phải bằng quân đội và vinh quang cá nhân mà bằng tình yêu vô bờ qua việc phục vụ và tự hiến chính mình.

Nếu vương quốc của Đức Ky–tô đạt đến độ toàn hảo như vậy chính bởi vì nó không thuộc về thế gian này, như Chúa Giê–su đã tuyên bố với Phi–la–tô trong cuộc thẩm vấn. Quyền lực mà Đức Giê–su Ky–tô có được là do Chúa Cha ban cho và đó là ý nghĩa của lễ dâng trầm hương vì sản vật này dành riêng cho Thiên Chúa trong các nghi lễ tại đền thờ. Như vậy các đạo sĩ đã nhìn nhận thiên tính của Đức Ky–tô ngay từ khi hạ sinh, trước khi Người bày tỏ cho con người bằng các phép lạ.

Hoàn toàn là Thiên Chúa, Đức Giê–su cũng hoàn toàn là con người. Chính vì thế mà các đạo sĩ đã tiến dâng lễ phẩm thứ ba là mộc được, thứ hương liệu dùng để băng bó vết thương và tẩm liệm xác chết. Khi nhập thể, quả thật Con Thiên Chúa đã hoàn toàn thông

phần vào kiếp con người, chia sẻ vận mệnh của mỗi người từ khi sinh ra cho đến lúc chết đi, ngoại trừ tội lỗi, mà không cần sử dụng đến quyền năng Thiên Chúa.

Mùa lễ Hiện Linh không chỉ có truyện kể về ba vị đạo sĩ từ phương xa tìm đến, hoặc truyện Đức Chúa chịu phép rửa từ thánh Gioan. Bất cứ khi nào ta làm việc gì thực tế hoặc hữu dụng cho những ai đang cần đến, thì đó là lễ Hiện Linh với người thời đại.

6. Lễ Thánh gia thất

a. Nguồn gốc

Xét về việc thành hình lễ Thánh gia thất, chúng ta thấy đây cũng là một biến chuyển khác thường. Phải nói là lễ Thánh gia thất mới có đây và xuất hiện gần với chúng ta, tức là vào năm 1921. Vào năm 1893, người ta thấy có việc cử hành lần đầu tiên một lễ kính Thánh gia thất, do lời xin với Toà Thánh từ các giáo phận hoặc các Dòng tu có lòng tôn sùng Thánh gia thất. Và lễ này được xác định cử hành vào Chúa Nhật III sau lễ Hiện Linh. Chúng ta nhớ là vào thời trước việc cải tổ niên lịch phụng vụ do Công đồng Va-ti-ca-nô II, thì sau lễ Hiện Linh còn có mấy tuần, rồi mới tới mùa Chay.

Lễ này đi kèm với lòng sùng mộ Thánh gia thất vào thế kỷ XIX, bắt đầu trước tiên từ bên Canada, như đã nói trên đây. Dần dần, lòng sùng mộ Thánh gia lan rộng ra khắp hoàn cầu. Phong trào này được Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII khuyến khích. Vào thời kỳ này, người ta nhận thấy các gia đình bị tục hóa, và như vậy gia sản thiêng liêng, các giá trị của gia đình bị tiêu tán. Có nguy cơ gia đình bị băng hoại hoàn toàn. Chính vì thế, tín hữu tìm tới gia đình gương mẫu tại Na-gia-rét để giúp các gia đình Công giáo sống đạo và sống ơn bí tích Hôn phối.

Lễ Thánh gia thất trước đây chỉ cho phép một số nơi cử hành, sau đó mới lan ra trong toàn thể Giáo hội, tuy nhiên cũng chưa có được chỗ đứng vững chắc trong Năm phụng vụ. Vì vào năm 1911, trong Sách Lễ Rô-ma, do Đức Giáo hoàng Pi-ô X cho tu sửa và công bố, cũng không có lễ Thánh gia thất. Sau đó vào năm 1920, lễ Thánh gia thất mới lại được đưa vào trong Sách lễ Rô-ma, và chỉ định ngày Chúa Nhật thứ I sau lễ Hiện Linh. Ngày 26 tháng 10 năm 1921, Thánh Bộ Nghi lễ đã ra một sắc lệnh truyền cử hành một số lễ trong toàn thể Giáo hội, trong số lễ này, có lễ Thánh gia thất, được cử hành vào Chúa Nhật Bát nhật sau lễ Hiện Linh (*S. Congregatio Rituum, die 26/10/1921, AAS, 13 (1921, tr. 543-544).*

Năm 1969, khi cải tổ Lịch phụng vụ cho toàn thể Giáo hội, thì lễ này được chuyển sang Chúa Nhật trong Tuần Bát nhật Lễ trọng Giáng Sinh, hoặc nếu không có ngày Chúa Nhật, thì cử hành vào ngày 30 tháng 12, như chúng ta thấy ngày nay.

b. Ý nghĩa

Nói về nội dung thần học của lễ Thánh gia thất, chúng ta có thể nhắc lại tư tưởng Thánh Bộ Nghi lễ, khi ban hành việc mở rộng lễ Thánh gia thất cho toàn thể Giáo hội, vào năm 1921. Sắc lệnh nói như sau:

“việc mừng lễ Thánh gia thất với một lễ phụng vụ là một điều rất thích hợp và giúp cho việc phát triển lòng sùng mộ đối với Thánh gia. Ngoài ra, nhờ việc cử hành này, các tín hữu suy niệm và bắt chước các nhân đức của các thành phần thánh thiện trong gia đình Na-gia-rét.”

Như vậy, việc mừng lễ Thánh gia thất có chủ đích thần học là để ca tụng tôn vinh Ba Đấng thánh trong nhà Na-gia-rét. Trong khi mừng lễ này, Giáo hội cũng muốn nêu gương Thánh gia cho các gia đình Công giáo chiêm ngưỡng bắt chước.

Nếu nhìn vào sự kiện lễ Thánh gia thất được cử hành vào Chúa Nhật giữa lễ Chúa Giê-su Giáng Sinh và lễ Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, điều này cũng cho thấy nhiều ý nghĩa. Trước tiên, lễ Thánh gia thất mặc khải và minh chứng màu nhiệm nhập thể cách cụ thể. Việc Người sống trong một gia đình, cũng là một biểu hiệu, Người muốn đem nhân loại vào trong sự hiệp thông trọn vẹn của gia đình Chúa Ba Ngôi. Rồi trong dịp lễ Giáng Sinh và đầu năm, khi người ta thường trở về gia đình, lớn hay nhỏ, để mừng lễ Giáng Sinh và Tết dương lịch, thì gương mẫu của gia đình Chúa Giê-su, Đức Mẹ, và thánh Giu-se, trở nên mẫu gương sống động cho mọi phần tử trong gia đình, từ cha mẹ đến con cái, trong cuộc sống đức tin và hiếu thảo. Các bài Sách thánh và các kinh nguyện gợi ý rõ ràng về điểm sau cùng này.

Như vậy việc cử hành lễ Thánh gia thất, mang nhiều ý nghĩa: trong phạm vi thần học, lễ này làm nổi bật màu nhiệm nhập thể; trong khía cạnh phụng vụ, lễ này hướng về Giáo hội như là gia đình tế tự và cầu nguyện tôn vinh Thiên Chúa; và sau cùng theo ý nghĩa tu đức, nhờ gương gia đình thánh tại Na-gia-rét, các gia đình Công giáo biết sống trưởng thành trong đức tin, đức cậy, đức ái, giữa các phần tử trong gia đình và trong mọi cảnh huống, khi hạnh phúc may lành cũng như khi hoạn nạn khổ đau.

II. Cử hành phụng vụ mùa Giáng Sinh

1. Sắp xếp các lễ ngày Giáng Sinh

Lễ Giáng Sinh là lễ có nhiều bản văn cử hành nhất trong niên lịch phụng vụ, có 04 bài lễ khác nhau tùy theo thời gian cử hành: lễ Vọng, lễ Đêm, lễ Rạng đông, lễ Ban ngày. Thực ra, ban đầu Giáo hội chỉ cử hành một lễ Giáng Sinh vào ngày 25 tháng 12 để Ky-tô hóa lễ ngoại giáo kính thần mặt trời.

Tuy nhiên, khi lễ Giáng Sinh đã thành phổ biến trong Giáo hội, người ta bắt chước ngày lễ Phục Sinh để cử hành các thánh lễ vào những thời khắc khác nhau trong ngày lễ Giáng Sinh. Thánh giáo hoàng Grê-gô-ri-ô Cả (+604) ra chỉ thị phải cử hành 03 thánh lễ trong

ngày lễ Chúa Giáng Sinh: vào lúc Đêm, lúc Rạng đông, và Ban ngày, “*Vì sự cao cả của Chúa chúng ta mà hôm nay Giáo hội cử hành thánh lễ ba lần.*” Về sau, người ta thấy giá trị của giờ canh thức trước các lễ trọng, nên thêm thánh lễ Vọng trước khi cử hành thánh lễ Ban đêm.

Tóm lại, ban đầu (thế kỷ IV) chỉ có một thánh lễ vào ngày 25/12, sau đó, dưới thời Đức Giáo hoàng Grê-gô-ri-ô Cả (thế kỷ VII) có thêm ba thánh lễ vào lúc đêm, rạng đông, và ban ngày, sau cùng thêm lễ vọng, một hình thức vay mượn từ cử hành canh thức trước đêm Phục Sinh. [6]

2. Chủ đề các bản văn [7]

Chủ đề các bản văn phụng vụ của ngày lễ Giáng Sinh đều xoay quanh lời tựa Tin mừng Gioan: “*Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta, và chúng tôi đã nhìn thấy vinh quang của Người.*” (Ga 1,14). Các lời nguyện và bài đọc hoặc chuẩn bị hoặc triển khai hoặc phản ánh chủ đề căn bản trên.

Theo lịch sử hình thành các bản văn, các lời nguyện mùa Giáng Sinh diễn tả rõ ràng và dứt khoát giáo lý về thần tính của Đức Giê-su theo giáo huấn của các Công đồng Ni-xê-a, Ê-phê-sô, và Calcédonia. Xét về thời gian, thì bản văn cổ xưa nhất là lời nguyện Nhập lễ của thánh lễ Ban ngày. Đây là lời nguyện và cũng là bài giáo lý về thần tính của Đức Giê-su: “*Thiên Chúa làm người chính là để con người được tham dự vào đời sống thần linh của Thiên Chúa.*”

3. Các cử hành mùa Giáng Sinh [8]

Ngày lễ Giáng Sinh được ấn định cử hành ngày 25 tháng 12. Ngoài ra, phụng vụ ngày nay còn kéo dài lễ Giáng Sinh trong tám ngày theo cấu trúc tuần Bát nhật Phục Sinh.

Thực ra, tuần Bát nhật Giáng Sinh là kết quả của một tập tục vốn được thực hành trước đó; tức là tuần Bát nhật mừng đặc ân Mẹ Thiên Chúa của Đức Maria tính từ lễ Giáng Sinh. Định tín Đức Maria, Thiên Chúa Thánh Mẫu, là chân lý đức tin khởi đi từ việc tuyên xưng Đức Giê-su là Ky-tô, là Thiên Chúa thật, và là người thật. Đức Maria là Thánh Mẫu Thiên Chúa vì đã sinh ra Đấng là Thiên Chúa đến trong thân xác (xc. Định tín của Công đồng Ê-phê-sô 431).

Ý nghĩa của tuần Bát nhật mừng Mẹ Thiên Chúa là mừng kính chân lý về Chúa Giê-su trong mầu nhiệm Nhập thể của Người. Đây cũng là ý nghĩa của tuần Bát nhật Giáng Sinh ngày nay. Về sau, người ta còn bổ túc cho ý nghĩa thần học về nhân tính của Đức Giê-su bằng cách gán cho ngày thứ tám sau lễ Giáng Sinh là ngày Chúa chịu cắt bì theo truyền thống Do Thái (xc. Lc 2,21).

Lễ Thánh gia thất thường được cử hành vào Chúa Nhật trong tuần Bát nhật Giáng Sinh.

Lễ Hiện Linh thường được cử hành vào ngày 06 tháng 01, để kính nhớ việc Chúa tỏ mình cho muôn dân; tức là ơn cứu độ được loan báo cho cả dân ngoại (ngoài Do Thái giáo) với việc nhận biết và thờ lạy Đấng Cứu Độ của các đạo sĩ.

Lễ Chúa Giê-su chịu phép rửa kết thúc Mùa Giáng Sinh, thường được cử hành vào Chúa Nhật sau lễ Hiện Linh 06/01 hoặc vào ngày thứ hai sau lễ Hiện Linh, tức ngày 07 hoặc 08 tháng 01.

Kết luận

Mùa Vọng và mùa Giáng Sinh khai mở một năm phụng vụ mới, như dẫn từng người vào trong mầu nhiệm của Đức Ky-tô. Cần nói rõ rằng, vào những thế kỷ đầu, các Ky-tô hữu chỉ tập trung vào mầu nhiệm Thương khó và Phục Sinh của Đức Ky-tô mà thôi. Theo dòng thời gian, từ tâm điểm, Giáo hội được soi sáng, khai mở, và khám phá ra các mầu nhiệm chung quanh cuộc đời của Đức Ky-tô. Thế nhưng, cũng không phải một sớm một chiều mà Giáo hội có thể nhận ra điều này. Đó là cả một hành trình dài sống, suy tư, và cảm nghiệm của Giáo hội. Sở dĩ nói như thế bởi lẽ, lễ Giáng Sinh ngay từ đầu không có nhưng nhờ suy tư, tìm hiểu, Giáo hội mới lấy lại ý nghĩa ngày lễ của ngoại giáo và mặc cho nó một ý nghĩa khác phù hợp với Ky-tô giáo. Nếu như mầu nhiệm Nhập thể như là khởi đầu cuộc đời của Đấng Cứu Thế, thì Giáo hội cũng mời gọi mỗi Ky-tô hữu cùng tiến bước trong hành trình Cứu độ của Người.

Tuy nhiên, trước biến cố trọng đại như thế, Giáo hội nhận thấy cần phải có bước chuẩn bị cho người Ky-tô hữu để đón nhận mầu nhiệm này. Vì thế, mùa Vọng đã được thành hình. Nếu sắp xếp theo thứ tự thời gian phụng vụ, mùa Vọng đi trước mùa Giáng Sinh; nhưng nếu sắp xếp theo lịch sử hay nguồn gốc của các mùa, mùa Vọng sẽ đi sau mùa Giáng Sinh. Vì thế, chẳng lạ gì có một số tài liệu nghiên cứu đã sắp xếp mùa Giáng Sinh rồi mới tới mùa Vọng. Cũng như mùa Giáng Sinh, Giáo hội cũng lấy lại những tập tục quen thuộc của các Ky-tô hữu thời đó để hình thành nên mùa Vọng. Tuy nhiên, mùa Vọng không đơn thuần chỉ là chuẩn bị tâm hồn cho người Ky-tô hữu đón mừng biến cố Nhập thể của Ngôi Hai, nhưng mùa Vọng còn mang một ý nghĩa khác là chờ mong ngày Chúa đến lần thứ hai. Với sự tiến triển của thần học, mùa Vọng đã mang hai ý nghĩa thì cũng sẽ cần phải có hai giai đoạn tương ứng với các ý nghĩa đó.

Như thế, mùa Vọng và mùa Giáng Sinh không chỉ là hai mùa khai mở một năm phụng vụ mới, nhưng đó còn là việc dẫn dắt người tín hữu bắt đầu hành trình cuộc đời của Đức Ky-tô qua các biến cố. Khởi đầu bằng mùa Vọng nhưng đó cũng là kết thúc của vòng thời gian. Nghĩa là trong mùa Vọng cũng hướng đến ngày chung cuộc của vòng thời gian. Như vậy, năm phụng vụ tạo nên một vòng tròn xuyên suốt không phải chỉ để dành diễn lại lịch sử cuộc đời Đấng Cứu Thế, nhưng còn mang ý nghĩa của vòng thời gian hướng đến sự kết thúc của thời gian.



Tác giả ghi chú:

- [1] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Phụng vụ Tổng quát, (ĐCV Thánh Giu-se – Tp. Sài Gòn, 2001), tr. 71; Peter E. Fink, SJ, The New Dictionary of Sacramental Worship: “Christmas Season”, (The Liturgical Press, Collegeville, 1990), tr. 205.
- [2] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Sđd., tr. 93; Peter E. Fink, SJ, Sđd., tr. 205.
- [3] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Sđd., tr. 94; Peter E. Fink, SJ, Sđd., tr. 205.
- [4] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Sđd., tr. 94–95.
- [5] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Sđd., tr. 71; Peter E. Fink, SJ, Sđd., tr. 206.
- [6] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Năm Phụng Vụ, (ĐCV Thánh Giu-se – Tp. Sài Gòn, 2001), tr. 98–102; Phụng vụ Tổng quát, (2001), tr. 96.
- [7] Xc. Nguyễn Thế Thủ, Phụng vụ Tổng quát, (ĐCV Thánh Giu-se – Tp. Sài Gòn, 2001), tr. 96–97.
- [8] Ibid., tr. 97–98; Peter E. Fink, SJ, op.cit., tr. 205–208.

